

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-ST

Ngày: 02-02-2021

V/v tranh chấp “hợp đồng góp hui”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Cẩm Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Dương Văn Hai

- Ông Nguyễn Văn Chót

*Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Văn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Phú Quý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2020/TLST – DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Th, sinh năm: 1974; địa chỉ: 1/1 ấp TA, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngô Thị Th: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1954; địa chỉ: ấp HT, xã TH, huyện MCN, tỉnh Bến Tre theo văn bản Hợp đồng uỷ quyền ngày 16/11/2020 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1966; địa chỉ: 95/4 ấp Thanh B, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn H, sinh năm: 1968; địa chỉ: 95/4 ấp TB, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre (có Đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện, bản khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Thành - người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chị Ngô Thị Th trình bày:*

Chị Th có tham gia chơi hui do bà Nguyễn Thị Kim T là chủ hui (đầu thảo). Tất cả các dây hui đều tính theo ngày, tháng, năm của âm lịch. Khi tham gia chơi hui thì bà Thoa và các hui viên trong đó có chị Th đều thống nhất là chơi hui có lãi. Bà Thoa làm chủ hui thì hưởng tiền huê hồng (đầu thảo) được tính nếu hui loại

1.000.000 đồng thì hưởng huê hồng 500.000 đồng/01tháng/01người hốt hui, nếu hui loại 500.000 đồng thì hưởng huê hồng 250.000 đồng/01tháng/01người hốt hui. Theo thống nhất giữa bà Thoa và các hui viên sau khi hui viên kêu hui và hốt hui thì sau 05 ngày thì chủ hui sẽ giao tiền cho các hui viên.

Chị Th tham gia các dây hui như sau:

- Dây 1: loại hui 1.000.000 đồng mở hui ngày 30/01/2018, gồm 31 phần, tham gia 01 phần, hui mãi ngày 02/5/2020, chị Th hốt hui chót, số tiền hui bà Thoa phải giao cho chị Th 29.500.000 đồng đã trừ đầu thảo 500.000 đồng nhưng cho đến nay bà Thoa không giao tiền.

- Dây 2: loại hui 1.000.000 đồng mở hui ngày 02/02/2018, gồm 30 phần, tham gia 01 phần, hui mãi ngày 30/5/2020, chị Th hốt hui chót, số tiền hui bà Thoa phải giao cho chị Th 28.500.000 đồng đã trừ đầu thảo 500.000 đồng nhưng cho đến nay bà Thoa không giao tiền.

- Dây 3: loại hui 1.000.000 đồng mở hui ngày 25/8/2018, gồm 27 phần, tham gia 01 phần, hui mãi ngày 25/9/2020, đóng hui được 23 tháng. Ngày 27/7/2020 bà Thoa tuyên bố ngừng hui (úp hui) nên chị Th yêu cầu bà Thoa phải trả cho chị Th số tiền hui được tính là 01 phần x 23 tháng x 1.000.000 đồng = 23.000.000 đồng

- Dây 4: loại hui 1.000.000 đồng mở hui ngày 25/10/2018, gồm 26 phần, tham gia 01 phần, đóng hui được 21 tháng. Ngày 27/7/2020 bà Thoa tuyên bố ngừng hui (úp hui) nên chị Th yêu cầu bà Thoa phải trả cho chị Th số tiền hui được tính là 01 phần x 21 tháng x 1.000.000 đồng = 21.000.000 đồng

- Dây 5: loại hui 1.000.000 đồng mở hui ngày 20/01/2019, gồm 22 phần, tham gia 01 phần, hui mãi ngày 20/9/2020, đóng hui được 19 tháng. Ngày 27/7/2020 bà Thoa tuyên bố ngừng hui (úp hui) nên chị Th yêu cầu bà Thoa phải trả cho chị Th số tiền hui được tính là 01 phần x 19 tháng x 1.000.000 đồng = 19.000.000 đồng.

Tổng số tiền chị Th yêu cầu bà Thoa trả cho chị Th là 121.000.000 đồng.

Chị Th không đồng ý việc bà Thoa đề nghị trả lại số tiền hui thực tế mà chị Th đã đóng cho từng dây hui vì hui chị Th tham gia là hui có lãi trong đó dây hui 01 và 02 là hui mãi chị Th hốt hui chót; 03 dây còn lại là do bà Thoa tuyên bố ngừng hui nửa chừng. Số tiền hui mà bà Thoa đề nghị trả cho chị Th là do bà Thoa tự tính, chị không đồng ý. Khi ngừng hui chị Th và bà Thoa có thống nhất lại các dây hui mà chị Th tham gia và bà Thoa có ký tên xác nhận chị Th đã cung cấp văn bản này cung cấp cho Tòa.

Việc mở hui cho các hui viên tham gia thì tổ chức khai hui tại nơi bà Thoa ở là số nhà 95/4 ấp Thạnh B, xã Tân Phong, huyện Thạnh Phú tỉnh Bến Tre. Ông Trần Văn Hùng là chồng bà Thoa sống cùng địa chỉ với bà Thoa, bà Thoa làm chủ hui hưởng huê hồng là dùng vào mục đích phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình bà Thoa, bà Thoa và ông Hùng không có làm kinh tế riêng.

Khi bà Thoa tuyên bố ngừng hui chị Th có nhiều lần yêu cầu bà Thoa trả tiền hui nhưng bà Thoa hứa hẹn trả dần chị Th không đồng ý. Các dây hui mà chị Th tham gia đều là hui có lãi nên việc bà Thoa đề nghị trả tiền hui thực đóng chị Th

không đồng ý.

Nay chị Th yêu cầu bà Thoa và ông Hùng có trách nhiệm liên đới trả cho chị số tiền nợ hội là 121.000.000 đồng. Chị Th xin tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu tính tiền lãi chậm trả, không đồng ý yêu cầu trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng của bà Thoa.

*\*Theo nội dung các Biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Thoa trình bày:*

Bà là chủ hội (đầu thảo) từ năm 2016 cho đến nay. Chị Ngô Thị Th tham gia của bà các dây hội như sau:

- Dây 1: loại hội 1.000.000 đồng mở hội ngày 30/01/2018, gồm 31 phần, tham gia 01 phần, hội mãn ngày 02/5/2020, Th hốt hội chót, số tiền hội bà phải giao là 29.500.000 đồng.

- Dây 2: loại hội 1.000.000 đồng mở hội ngày 02/02/2018, gồm 30 phần, tham gia 01 phần, hội mãn ngày 30/5/2020, Th hốt hội chót, số tiền hội bà phải giao là 28.500.000 đồng.

- Dây 3: loại hội 1.000.000 đồng mở hội ngày 25/8/2018, gồm 27 phần, tham gia 01 phần, hội mãn ngày 25/9/2020, tuy nhiên ngày 27/7/2020 bà tuyên bố ngừng hội (úp hội) nên Th đóng hội được 23 tháng, số tiền thực tế Th đã đóng hội là 11.920.000 đồng.

- Dây 4: loại hội 1.000.000 đồng mở hội ngày 25/10/2018, gồm 26 phần, tham gia 01 phần, hội mãn ngày 25/10/2020, tuy nhiên ngày 27/7/2020 bà tuyên bố ngừng hội (úp hội) nên Th đóng hội được 21 tháng, số tiền thực tế Th đã đóng hội là 11.850.000 đồng.

- Dây 5: loại hội 1.000.000 đồng mở hội ngày 20/01/2019, gồm 22 phần, tham gia 01 phần, hội mãn ngày 20/9/2020, tuy nhiên ngày 27/7/2020 bà tuyên bố ngừng hội (úp hội) nên Th đóng hội được 19 tháng, số tiền thực tế Th đã đóng hội là 10.500.000 đồng.

Tất cả các dây hội đều tính theo ngày, tháng, năm của âm lịch. Khi tham gia chơi hội thì bà và các hội viên đều thống nhất là chơi hội có lãi. Bà làm chủ hội thì hưởng tiền huê hồng (đầu thảo) được tính nếu hội loại 1.000.000 đồng thì hưởng huê hồng 500.000 đồng/01 tháng/01 người hốt hội, nếu hội loại 500.000 đồng thì hưởng huê hồng 250.000 đồng/01 tháng/01 người hốt hội. Theo thống nhất giữa bà và các hội viên sau khi hội viên kêu hội và hốt hội thì sau 05 ngày thì chủ hội sẽ giao tiền cho các hội viên.

Việc mở hội cho các hội viên tham gia thì tổ chức khai hội tại nơi bà ở là số nhà 95/4 ấp Thạnh B, xã Tân Phong, huyện Thạnh Phú tỉnh Bến Tre. Ông Trần Văn Hùng là chồng bà sống chung với bà đã 35 năm, bà và ông Hùng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phong, hiện bà còn giữ giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nhưng bà không nhớ rõ bà đăng ký kết hôn năm nào. Chồng bà là Trần Văn Hùng sinh sống cùng địa chỉ với bà ông Hùng có biết việc bà làm chủ hội nhưng không đồng ý cho bà làm chủ hội, nhiều lần rầy la bà. Những lúc bà đi khám bệnh không có nhà thì cũng có 01 hoặc 02 lần gì đó ông Hùng có nhận dùm tiền hội của một vài hội

viên đóng hội cho bà còn sau đó thì ông Hùng không đồng ý nhận dùm bà nữa. Ngoài ra ông Hùng cũng không tham gia gì trong việc bà mở hội, thu gom tiền hội hay nhận tiền hội của các hội viên đóng hội. Số tiền huê hồng (đầu thảo) mà bà nhận được từ việc làm chủ hội thì bà không sử dụng gì trong gia đình mà dùng toàn bộ tiền huê hồng để trị bệnh cho cá nhân bà. Từ khoảng tháng 5/2020 do có nhiều hội viên hốt hội nhưng không đóng hội nên bà phải gồng hội và do bà đi điều trị bệnh về nên ngày 27/7/2020 bà tuyên bố úp hội. Bà có hứa hẹn với chị Th số tiền hội của 02 dây hội đã mãn thì xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, còn số tiền hội của 03 dây hội ngừng hội vào tháng 07/2020 thì để tính sau thì bà xin trả số tiền hội thực tế đã đóng nhưng chị Th không đồng ý.

Bà và chị Th có tổng kết các dây hội mà Th tham gia chơi hội nên bà có ký tên xác nhận và Th cũng có ký tên xác nhận, mỗi bên giữ 01 bản, bà đã nộp cho Toà bản gốc văn bản này.

Việc bà có trình bày số tiền thực đóng của mỗi dây hội mà chị Th tham gia, bà tính được như vậy là do bà nhớ được số tiền mà mỗi tháng các hội viên kêu hội để hốt rồi trừ với từng loại hội 500.000 đồng hoặc 1.000.000 đồng thì sẽ ra số tiền hội thực đóng của từng tháng rồi nhân lên số tháng hội đã kêu hốt hội cho đến ngày bà úp hội sẽ ra số tiền hội thực đóng. Đồng thời do khi bà tuyên bố úp hội thì các hội viên khác có tham gia cùng với chị Th tự tính và đồng ý cho bà trả số tiền hội thực tế đã đóng này nên bà lấy đó làm cơ sở tính số tiền thực tế mà chị Th đã đóng hội cho bà để bà đề nghị giao trả cho chị Th. Khi giao hội cho hội viên hốt hội của từng tháng thì bà không có giao giấy tờ hay văn bản gì về việc hốt hội, bà có lập sổ hội danh sách của các hội viên mỗi tháng hội viên nào kêu hốt được hội thì bà gạt tên hội viên đó chứ cũng không ghi vào sổ hội số tiền cụ thể hội viên đó đã kêu hốt hội, sổ này bà tự giữ tự theo dõi các hội viên không có ký tên xác nhận. Việc thu tiền của các hội viên thì được tính trên cơ sở số tiền hội viên đã kêu hốt hội trừ đi loại hội đã mở thì bà thông báo miệng với các hội viên còn lại số tiền hội phải đóng của từng tháng chứ không ghi chép gì.

Ngày mở hội, loại hội đã tham gia, số phần hội và các dây hội mà chị Th đã tham gia cũng như số tháng thực tế đã đóng tiền hội, ngày úp hội bà và chị Th đã thống nhất với nhau. Khi tham gia hội là hội có lãi tuy nhiên chị Th đề nghị bà trả tiền hội có lãi nhưng bà đề nghị xin được trả tiền hội không có lãi là trả tiền hội thực tế đã đóng vì có nhiều hội viên không đóng hội cho bà dẫn đến việc bà gặp khó khăn về kinh tế nên không có khả năng để trả tiền hội có lãi theo yêu cầu của chị Th được. Nếu tính số tiền hội có lãi thì số tiền chị Th kiện bà trả tiền hội cho từng dây hội là đúng

Nay qua yêu cầu khởi kiện của chị Th thì bà không đồng ý trả số tiền hội là 121.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả. Bà yêu cầu được trả số tiền hội không lãi cho 02 dây hội đã mãn là 30.000.000 đồng và 03 dây hội bà ngừng hội là 34.270.000 đồng, tổng số tiền bà đề nghị trả tiền hội cho chị Th là 64.270.000 đồng là hội không lãi và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

*\* Theo nội dung Biên bản lấy lời khai, Đơn xin xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Hùng trình bày*

Ông và bà Nguyễn Thị Kim Thoa là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn sống chung với nhau đã 35 năm qua tại nơi cư trú 95/4 ấp Thạnh B, xã Tân Phong, huyện Thạnh Phú tỉnh, Bến Tre. Khi còn khoẻ mạnh thì ông và bà Thoa cùng làm cùng ăn cùng hưởng. Nhưng những năm gần đây ông bị bệnh nên kinh tế gia đình phụ thuộc vào các con, ông không lao động nặng được; còn bà Thoa cũng có bệnh trong người bà Thoa chơi hội lấy tiền tự lo trị bệnh, có khi còn xin thêm các con. Việc bà Thoa làm đầu thảo (chủ hội) mở hội cho các hội viên tại nhà ông đã không đồng ý nhiều lần khuyên nhủ nhưng bà Thoa vẫn cứ làm. Ông không tham gia chơi hội, cũng không phụ giúp gì trong việc bà Thoa làm chủ hội, ai kêu ai hót ông cũng không biết. Tiên lời từ việc chơi hội ông không sử dụng. Nay chị Th khởi kiện buộc ông và bà Thoa phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền hội cho chị Th thì ông không đồng ý, chị Th và bà Thoa tự chơi hội với nhau thì tự giải quyết ông không có trách nhiệm gì.

Do điều kiện sức khoẻ nên ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình toà án giải quyết vụ án hoà giải, xét xử và các lần mời khác của toà để giải quyết vụ án. Việc ông xin vắng mặt là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

- Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát chậm hơn so với quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy hợp đồng góp hội được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật đạo đức xã hội nên được pháp luật thừa nhận. Quá trình thực hiện hợp đồng góp hội các đương sự thống nhất về số dây hội, số tháng góp hội, thời gian mở hội, hội có lãi, số tiền hội có lãi bà Thoa chưa trả cho chị Th. Đối với chị Th yêu cầu trả tiền hội có lãi, bà Thoa yêu cầu trả tiền hội thực tế đã góp hội. Nhận thấy khi thỏa thuận hợp đồng góp hội các bên đều thừa nhận tất cả các dây hội đều là hội có lãi, bà Thoa cũng thừa nhận nếu tính hội có lãi thì chị Th khởi kiện số tiền 121.000.000 đồng là đúng. Do đây là hội có lãi, bà Thoa đơn phương tuyên bố ngừng hội là vi phạm hợp đồng góp hội làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các hội viên nên chị Th khởi kiện bà Thoa là có căn cứ chấp nhận. Bà Thoa yêu cầu được trả số tiền thực tế chị Th đã đóng hội, lời trình bày của bà Thoa là không có cơ sở vì khi giao kết hợp đồng góp hội bà Thoa thừa nhận là hội có lãi, hàng tháng khi hội viên hót hội bà thu tiền đầu thảo. Do đó bà Thoa phải có nghĩa vụ trả tiền hội có lãi cho chị Th là phù hợp.

- Về trách nhiệm liên đới trả nợ của ông Trần Văn Hùng (chồng bà Thoa): bà Thoa và ông Hùng là vợ chồng hợp pháp, hiện vẫn đang tồn tại mối quan hệ hôn

nhân, ông bà không có thỏa thuận làm kinh tế riêng. Mặt khác việc bà Thoa làm chủ hội thu tiền đầu thảo nhằm mục đích chữa bệnh cho bà cũng được xem là phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó cần buộc ông Hùng có trách nhiệm liên đới với bà Thoa trả nợ cho chị Th là phù hợp. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Thoa và ông Hùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Ngô Thị Th số tiền nợ hội 121.000.000 đồng. Đồng thời đề nghị đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Th về yêu cầu tính tiền lãi chậm trả.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Th yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Thoa trả tiền nợ hội nên xác định đây là tranh chấp “hợp đồng góp hội” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Phạm Thị Kim Thoa có nơi cư trú tại xã Tân Phong, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

[2] Về tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Hùng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Hùng.

[3] Về nội dung vụ án: Hợp đồng góp hội giữa chị Th và bà Thoa được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 122, Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005, nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền hội: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Th, người đại diện hợp pháp của chị Th và bà Thoa đều thống nhất với nhau về số dây hội, số tháng góp hội, thời gian mở hội, các dây hội đều là hội có lãi, số tiền hội có lãi bà Thoa chưa trả cho chị Th nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh đối với các đương sự theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với chị Th yêu cầu trả tiền hội có lãi, bà Thoa yêu cầu trả tiền hội thực tế đã góp hội. Hội đồng xét xử thấy rằng khi tham gia hợp đồng góp hội các bên đều thừa nhận tất cả các dây hội đều là hội có lãi, bà Thoa cũng thừa nhận nếu tính hội có lãi thì chị Th khởi kiện bà Thoa số tiền 121.000.000 đồng là đúng. Do đây là hội có lãi, bà Thoa tự ý tuyên bố ngừng hội là vi phạm hợp đồng góp hội, có lỗi trong việc thực hiện nghĩa vụ của chủ hội làm ảnh hưởng đến quyền lợi của hội viên, chị Th không vi phạm nghĩa vụ của hội viên nên chị Th khởi kiện bà Thoa là có căn cứ chấp nhận. Bà Thoa yêu cầu được trả số tiền thực tế chị Th đã đóng hội và xin trả dần nhưng không được chị Th đồng ý cho nên lời trình bày của bà T là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ khi giao kết hợp đồng góp hội bà T thừa nhận tất cả các dây hội đều là loại hội có lãi, hàng tháng khi hội viên hót hội bà đều thu tiền đầu

thảo. Do đó bà T phải có nghĩa vụ trả tiền hối có lãi 121.000.000 đồng cho chị Th là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm liên đới trả nợ của ông Trần Văn H (chồng bà T): Xét thấy bà T và ông H là vợ chồng hợp pháp, có thực hiện việc đăng ký kết hôn từ năm 1996 và hiện vẫn đang tồn tại mối quan hệ hôn nhân. Bà T trình bày bà và H không có thỏa thuận làm kinh tế riêng. Mặt khác việc bà T làm chủ hối thu tiền đầu thảo nhằm mục đích chữa bệnh cho bà cũng được xem là phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình và vì vậy cần buộc ông H có trách nhiệm liên đới với bà T trả số tiền nợ hối 121.000.000 đồng cho chị Th là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 20 và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Việc chị Th rút yêu cầu khởi kiện đối với bà T và ông H về yêu cầu tính tiền lãi chậm trả, xét đây là sự tự nguyện của chị Th nên cần đình chỉ yêu cầu này là phù hợp.

[7] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà T và ông H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 117, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 479 Bộ luật Dân sự 2005; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hộ, hối, biên, phường; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hối, biên, phường, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Th đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H. Buộc bà Nguyễn Thị Kim T và ông Trần Văn H có trách nhiệm liên đới trả cho chị Ngô Thị Th số tiền nợ hối 121.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Th đối với Nguyễn Thị Kim T và ông Trần Văn H về yêu cầu tính tiền lãi chậm trả.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Trần Văn H có trách nhiệm liên đới chịu 6.050.000 đồng.

Chị Ngô Thị Th được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.075.000 đồng theo biên lai thu số 0003317 ngày 10/11/2020.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Phan Cẩm Nhung**







**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Sơn– Huỳnh Ngọc Sơn**

**Trần Thị Vân**

